TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **17**/2019/DS-PT
Ngày: 25/01/2019
V/v: yêu cầu chia tài sản chung; tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy
Cùng các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc H
Ông Tôn Văn Thông

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2018/TLPT-DS ngày 14/12/2018 về yêu cầu chia tài sản chung; tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 838/2018/QĐ-PT ngày 26/12/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐ-PT ngày 09/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1/ Nguyễn Thị L, sinh năm: 1942 (Vắng mặt)

2/ Hồ Văn B, sinh năm: 1961 (Vắng mặt)

3/ Hồ Thị Ngọc Tr, sinh năm 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Bà L, ông B cùng ủy quyền hoàn toàn cho bà Huỳnh Thị Kim S, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng (Bà S có mặt).

- *Bị đơn:* Hồ Văn T, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre

Ông T ủy quyền cho bà Phan Thị H tham gia tố tụng. Theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2018 (Bà H có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật gia Trần Lương Ph - Hội viên Hội Luật gia tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1/ Ủy Ban nhân dân huyện BĐ.

Đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn R, Chức vụ: Chủ tịch. (vắng mặt)

2/ Phan Thị H, sinh năm 1959 (vợ ông T) (Có mặt)

3/ Hồ Văn N, sinh năm 1981. (Đã mất không có vợ con)

4/ Hồ Văn B, sinh năm 1984. (con ông T) (vắng mặt)

5/ Hồ Văn T1, sinh năm 1988. (con ông T) (vắng mặt)

6/ Hồ Thị Mỹ T2, sinh năm 1990. (con ông T) (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Anh T1, anh B, chị T2 cùng ủy quyền cho bà Phan Thị H tham gia tố tụng (Bà H có mặt)

Người kháng cáo: ông Hồ Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện các nguyên đơn trình bày như sau:* Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà và ông Hồ Văn Tr là vợ chồng, lúc sinh thời vợ chồng bà được ông bà để lại cho phần đất giồng diện tích là 1398,4m2 thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 29 đất tọa lạc tại ấp Bình Lộc, xã Đại Hòa lộc, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Năm 2001 ông Tr được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đến năm 2006 ông Tr mất không để lại di chúc. Năm 2009 bà làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn B vì ông B là người nuôi cha mẹ và thờ cúng ông bà, nhưng do phần đất trên là tài sản chung của bà và ông Tr, khi ông Tr mất không để lại di chúc, một mình bà làm thủ tục chuyển tên sang ông Hồ Văn B mà không có sự chấp thuận của các đồng thừa kế là không đúng với quy định của pháp luật. Bà và ông Tr lúc sinh thời có tất cả 03 người con là Hồ Văn B, Hồ Văn T, Hồ Thị Ngọc Tr. Trước đây phần đất tranh chấp thuộc thửa 57 tờ bản đồ số 29 có diện tích qua đo đạc thực tế là 1417,6m2 nhưng có chỉ ranh qua phần đất thuộc thửa 41-1; 41-2 là 19,2m2 nên bà đồng ý trừ ra phần đất này không yêu cầu chia; phần đất thửa 41-1; 41-2 là của ông Đông, nếu ông Đông không tranh chấp thì bà để lại cho ông T quản lý sử dụng. Do phần đất tranh chấp thuộc thửa 57 tờ bản đồ số 29 hiện do ông Hồ Văn T quản lý, sử dụng và ông Hồ Văn B đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà yêu cầu:

1/ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Văn B.

2/ Yêu cầu chia tài sản chung giữa bà và ông Tr phần đất thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 29; có diện tích là 1389,4m2 bà được nhận ½ diện tích là 699,2m2; phần đất

còn lại bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật ra làm 04 phần; bà một phần và 03 người con của bà 03 phần.

Như vậy tổng diện tích bà yêu cầu được chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật phần đất thuộc thửa 57 tờ bản đồ số 29 là 874m2.

Ông Hồ Văn B, bà Hồ Thị Ngọc Tr trình bày: nguồn gốc đất là của ông Hồ Văn Tr nhưng sau khi ông Tr mất (vào năm 2006), không có để lại di chúc; bà L làm thủ tục sang tên T1 bộ thửa đất trên sang cho ông Hồ Văn B chưa được sự đồng ý của các đồng thừa kế của ông Tr. Nên phần đất thuộc thửa 57 tờ bản đồ số 29 diện tích qua đo đạc thực tế là 1417,6m2, nhưng có chỉ ranh qua phần đất thuộc thửa 41-1; 41-2 là 19,2m2 nên ông B, bà Tr đồng ý trừ ra phần đất này không yêu cầu chia; phần đất thửa 41-1; 41-2 là của ông Đông, nếu ông Đông không tranh chấp thì ông B, bà Tr để lại cho ông T quản lý sử dụng. Nay bà L yêu cầu chia tài sản chung, bà L được nhận ½ thửa đất; còn ½ thửa đất chia thừa kế theo pháp luật thì ông B, bà Tr cũng thống nhất. Cụ thể ông B và bà Tr yêu cầu:

1/ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hồ Văn B đứng tên tại thửa số 57, tờ bản đồ số 29 đất tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

2/ Chia thừa kế theo pháp luật phần di sản ông Tr để lại là 699,2m2 ra làm 04 phần ông được nhận 175,5m2 phần đất thuộc thửa 57, tờ bản đồ số 29 đất tọa lạc tại ấp Bình Lộc, xã Đại Hòa Lộc, nhưng ông bà xin nhận bằng giá trị.

* *Bị đơn ông Hồ Văn T ủy quyền cho bà Phan Thị H trình bày:* Phần đất các nguyên đơn tranh chấp thuộc thửa 57 tờ bản đồ số 29 có nguồn gốc là của bà cố đề lại cho bà nội là bà Huế, sau đó bà Huế để lại cho ông Hồ Văn Tr. Năm 1980 bà H và ông T về ở trên phần đất đó. Ông Hồ Văn Tr gồm có các thửa đất 1235, 1236, 1407, 1418, 1419, 1632 tờ bản đồ số 4 (Trong đó thửa 1235, 1236 là thửa 57 tờ bản đồ số 29 hiện tại các nguyên đơn đang tranh chấp). Hiện tại những thửa còn lại là thửa 1407, 1418, 1419, 1632 tờ bản đồ số 04 đã chuyển sang ông Hồ Văn B đứng tên; phần đất trên được cấp cho hộ mà không có ký tên người thừa kế mà đã chuyển tên sang cho ông Hồ Văn B. Đối với thửa đất 1407, 1418, 1419, 1632 tờ bản đồ số 04 ông Hồ Văn T không có yêu cầu nhập vô phần đất thửa 57, tờ bản đồ số 29 để chia thừa kế theo pháp luật, ông T cũng không yêu cầu xem xét gì đối với phần đất này; Ông Hồ Văn T không có yêu cầu phản tố. Ông T không đồng ý chia theo yêu cầu của bà L, ông B, bà Tr vì dòng họ thân tộc cũng xác nhận là đồng ý để cho ông Hồ Văn T ở. Sau khi ông Tr mất thì gia đình ông T vẫn sử dụng ổn định. Lúc sinh thời ông Hồ Văn Tr có 06 thửa đất, trong đó có 04 thửa đất là cha mẹ tự tạo, 02 thửa đất là thửa 1235, 1236 (thửa cũ); thửa mới là thửa 57 tờ bản đồ số 29 có nguồn gốc là của ông bà để lại. Ông T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Văn B và công nhận phần đất trên cho ông Hồ Văn T. Ông T ở trên đất là của ông bà để lại, ông T không có đồng ý chia nên ông không đồng ý cho vào đất ông T để đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ, cũng như định giá tài sản. Đối với kết quả đo đạc, định giá trước đây ông T không có ý kiến vì đất ông T không có tranh chấp, không có yêu cầu chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày: Bà H thống nhất hoàn T1 với ý kiến của ông T. Khi bà H kết hôn với ông T thì ông Tr có cho phần đất đang tranh chấp để vợ chồng ông T ở. Trong quá trình quản lý đất, gia đình không ai tranh chấp. Năm 2006, ông Tr chết, đất được chuyển sang cho ông B đứng tên trong gia đình không ai biết. Năm 2006, ông Hồ Văn Keo (bác ruột), bà Nguyễn Thị Hiền (cô ruột), bà Nguyễn Thị Riền (Cô ruột) ra Ủy Ban nhân dân xã xác nhận cho vợ chồng ông T ở trên đất đó. Nay, tại Tòa, B H yêu cầu Tòa án xem xét hủy sổ đỏ mà Ủy Ban nhân dân huyện BĐ cấp cho ông B và công nhận phần đất đang tranh chấp cho ông Hồ Văn T.

Ủy Ban nhân dân huyện Bình Đại do ông Lê Văn Đức đại diện trình By: Phần đất đang tranh chấp theo đo đạc chính quy là thửa đất 57, tờ Bn đồ số 29, tọa lạc tại ấp BL, xã ĐHL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre. Ngày 20/12/2006, B Lịch được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận thừa kế T chồng là ông Hồ Văn Trắc. Đến ngày 27/5/2009, B Lịch ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng ất đối với phần đất đang tranh chấp cho ông Hồ Văn B. Đến ngày 08/6/2009, ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trình Tị thủ tục B Lịch lập hợp đồng tặng cho đất tranh chấp cho ông Hồ Văn B là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án số 85/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Bình Đại quyết định:

Áp dụng Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; các Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4, 5, 26, 100, 105, 106, 166, 170, 203, 210, Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. T2 xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị L, Hồ Văn B, Hồ Thị Ngọc Tr đối với ½ diện tích thửa 57 tờ bản đồ số 29 đất tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Văn Tr là phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 1398,4m2 thuộc thửa 57 tờ bản đồ số 29 đất tọa lạc tại ấp Bình Lộc, xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại ra làm 02 phần mỗi người được nhận là 1398,4m2 : 2 = 699,2m2.

Phần di sản ông Hồ Văn Tr còn lại là 699,2m2 thuộc một phần thửa 57 tờ bản đồ số 29 được chia làm 04 phần cho bà Nguyễn Thị L, Hồ Văn B, Hồ Văn T, Hồ Thị Mỹ Tr mỗi người được nhận là 699,2m2 :4 = 174,8m2. Tổng cộng diện tích đất bà L được nhận là 874m2. Cụ thể phần đất bà L được nhận là thửa 57-2 và 41-2 thuộc các điểm ABCDEIA có diện tích 756m2; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp với

phần diện tích còn lại của thửa 57-1 do ông T quản lý. Phía Tây giáp với đất Trần Thị Lang thửa 56. Phía Nam giáp với đường Bình Thới, Đại Hòa Lộc; Phía Bắc giáp với đất của Võ PH Đông Em thửa 41.

3/ Ông Hồ Văn T và các thành viên trong hộ gia đình ông T gồm bà Phan Thị H, Hồ Văn Bảo, Hồ Văn T1, Hồ Thị Mỹ Tuyên được sử dụng phần đất có diện tích 641,6m2 thuộc thửa đất số 57-, 41-1 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp Bình Lộc, xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre thuộc các điểm IEFGHI sau khi đã hoàn giá trị cho các đồng thừa kế còn lại. Phần đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp với phần đất của Hồ Thị Nhỏ thửa 105 (30)
- Phía Tây giáp với đất trả cho bà Nguyễn Thị L thửa 57-2
- Nam giáp với đường Bình Thới, xã ĐHL.
- Bắc giáp với đất của Võ PH Đông Em thửa 41.

Kiến nghị Ủy Ban nhân dân huyện Bình Đại điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người được chia thừa kế như án đã tuyên.

4 / Buộc ông Hồ Văn T, bà Phan Thị H, Hồ Văn Bảo, Hồ Văn T1, Hồ Thị Mỹ Tuyên phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị L phần đất sản thuộc thửa 57-2 và 41-2 thuộc các điểm ABCDEIA có diện tích 756m2; phần đất có tứ cận như sau:

-Phía Đông giáp với phần diện tích còn lại của thửa 57-1 do ông T quản lý. - Phía Tây giáp với đất Trần Thị Lang thửa 56.

- Phía Nam giáp với đường Bình Thới, Đại Hòa Lộc.
- Phía Bắc giáp với đất của Võ PH Đông Em thửa 41.

Ông Hồ Văn T, bà Phan Thị H, Hồ Văn Bảo, Hồ Văn T1, Hồ Thị Mỹ Tuyên phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 46.000.0000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

5/ Buộc ông Hồ Văn T, bà Phan Thị H, Hồ Văn Bảo, Hồ Văn T1, Hồ Thị Mỹ Tuyên phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hồ Văn B số tiền 87.400.000 đồng (Tám mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

6/ Buộc ông Hồ Văn T, bà Phan Thị H, Hồ Văn Bảo, Hồ Văn T1, Hồ Thị Mỹ Tuyên phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị Mỹ Tr số tiền 87.400.000 đồng (Tám mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/11/2018 ông Hồ Văn T kháng cáo T1 bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác T1 bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên Toà phúc thẩm phía nguyên đơn vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện, phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận: thực tế năm 1980 ông T đã được cho sử dụng phần đất tranh chấp. Mặc dù việc cho đất không có giấy tờ nhưng có nhiều người làm chứng việc ông T được cho đất. Ông T cũng là

người đóng thuế trong quá trình sử dụng phần đất này. Ngoài ra các con của ông Tr đã được cha mẹ cho đất khi còn sống và đã chuyển quyền sử dụng đất cho người khác. Phần đất tranh chấp cha mẹ cho riêng ông T nhưng chưa được chuyển quyền sử dụng đất. Do đó, đủ cơ sở khẳng định đây là tài sản của riêng ông T, đề nghị HĐXX bác yêu cầu của các nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: cụ Tr và cụ L là vợ chồng từ năm 1972 nên đất là tài sản chung của vợ chồng. Việc cho đất không được các nguyên đơn thừa nhận. Đồng thời, bà H cũng trình bày cha mẹ cho đất ở. Trong quá trình sử dụng đất thì vợ chồng ông T cũng đã hưởng hoa lợi trên đất. Về chi phí tố tụng do bà S không có yêu cầu gì nên ghi nhận. Do đó, kháng cáo của ông T là không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Hồ Thị Huế và cụ Hồ Văn Cây để lại. Phía nguyên đơn cho rằng ông Tr chỉ có thửa đất số 57 (thửa cũ là 1235 và 1236), tờ bản đồ số 29, phía bị đơn cho rằng ngoài thửa đất số 57 thì ông Tr còn để lại 04 thửa đất khác là thửa 1407, 1418, 1419 và thửa 1632. Tuy nhiên, trong quá trình tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ thì phía bị đơn không có yêu cầu phản tố nên phần đất tranh chấp được xác định là thửa đất số 57 (thửa cũ là 1235 và 1236) tờ bản đồ số 29 có diện tích sử dụng thực tế là 1.398,4m^2, còn lại những thửa đất khác Tòa án không xem xét.

Ông Hồ Văn T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy rằng:

Năm 2009 bà L làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông B nhưng lại không có sự đồng ý của các đồng thừa kế khác, do đó bà L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Văn B và chia tài sản chung, chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 57, tờ bản đồ số 29. Phía bị đơn là ông Hồ Văn T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì ông T cho rằng dòng họ thân tộc đã làm giấy xác nhận đồng ý để cho ông T sử dụng thửa đất này, sau khi ông Tr mất thì gia đình ông vẫn sử dụng đất ổn định.

Bà L cho rằng đất tranh chấp là của các cụ để lại cho vợ chồng ông Tr, bà L. Phía ông T cũng thừa nhận nguồn gốc đất là của các cụ để lại. Năm 2001 thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tr. Ông Tr chết thì bà L làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ ông Tr sang bà L. Sau đó bà L tặng cho thửa đất này cho ông B, đến năm 2009 ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 thì phần đất tranh chấp được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông Tr, bà L. Trong quá trình sử dụng đất thì ông T cũng không làm thủ tục kê khai thửa đất. Ông T có xuất trình giấy xác nhận với nội dung dòng tộc đồng ý cho ông sử dụng phần đất này, tuy nhiên giấy xác nhận này không có giá trị. Mặt khác, thửa đất này là của cha mẹ ông Tr để lại cho ông Tr, phía

ông T và bà L cũng không có chứng cứ gì để chứng minh là ông Tr để lại phần đất này cho riêng ông T. Do đó, lời trình bày của ông T là không có căn cứ.

Như vậy, phần đất tranh chấp được xác định là của vợ chồng ông Tr, bà L chứ không phải của ông T. Ông Tr chết không để lại di chúc thì phần đất sẽ được chia theo quy định của pháp luật. Các đương sự đều thống nhất ông Tr có cha là cụ Hồ Văn Cây (đã chết năm 1975) và mẹ là cụ Nguyễn Thị Huế (đã chết năm 1955). Ông Tr, bà L có 03 người con chung là ông Hồ Văn B, ông Hồ Văn T và bà Hồ Thị Mỹ Tr. Do đó, các đồng thừa kế của ông Tr được xác định là bà L, ông B, ông T và bà Tr.

Từ những nhận định trên, HĐXX nhận thấy rằng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L về việc chia tài sản chung và chia thừa kế đối với thửa đất số 57 tờ bản đồ số 29 là có căn cứ. Ông T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu của các nguyên đơn là không có cơ sở.

Các chi phí thu thập chứng cứ do bà Huỳnh Thị Kim S nộp tạm ứng tại cấp sơ thẩm lần thứ nhất với tổng số tiền là 6.086.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà S tự nguyện chịu nên ghi nhận

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn T giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị L, Hồ Văn B, Hồ Thị Ngọc Tr đối với ½ diện tích thửa 57 tờ bản đồ số 29 đất tọa lạc tại xã Đại Hòa Lộc huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Văn Tr là phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 1398,4m^2 thuộc thửa 57 tờ bản đồ số 29 đất tọa lạc tại ấp Bình Lộc, xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại ra làm 02 phần mỗi người được nhận là 1398,4m2 : 2 = 699,2m^2.

Phần di sản ông Hồ Văn Tr còn lại là 699,2m^2 thuộc một phần thửa 57 tờ bản đồ số 29 được chia làm 04 phần cho bà Nguyễn Thị L, Hồ Văn B, Hồ Văn T, Hồ Thị Mỹ Tr mỗi người được nhận là 699,2m^2 :4 = 174,8m^2. Tổng cộng diện tích đất bà L được nhận là 874m^2. Cụ thể phần đất bà L được nhận là thửa 57-2 và 41-2 thuộc các điểm ABCDEIA có diện tích 756m^2; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp với phần diện tích còn lại của thửa 57-1 do ông T quản lý. Phía Tây giáp với đất Trần Thị

Lang thửa 56. Phía Nam giáp với đường Bình Thới, Đại Hòa Lộc; Phía Bắc giáp với đất của Võ PH Đông Em thửa 41.

3. Ông Hồ Văn T được sử dụng phần đất có diện tích 641,6m2 thuộc thửa đất số 57-, 41-1 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại ấp Bình Lộc, xã Đại Hòa Lộc, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre thuộc các điểm IEFGHI sau khi đã hoàn giá trị cho các đồng thừa kế còn lại. Phần đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp với phần đất của Hồ Thị Nhỏ thửa 105 (30)

- Phía Tây giáp với đất trả cho bà Nguyễn Thị L thửa 57-2

- Nam giáp với đường Bình Thới, xã ĐHL.

- Bắc giáp với đất của Võ PH Đông Em thửa 41.

Kiến nghị Ủy Ban nhân dân huyện Bình Đại điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người được chia thừa kế như án đã tuyên.

4. Buộc ông Hồ Văn T, bà Phan Thị H, Hồ Văn Bảo, Hồ Văn T1, Hồ Thị Mỹ Tuyên phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị L phần đất thuộc thửa 57-2 và 41-2 thuộc các điểm ABCDEIA có diện tích 756m^2; phần đất có tứ cận như sau:

-Phía Đông giáp với phần diện tích còn lại của thửa 57-1 do ông T quản lý. - Phía Tây giáp với đất Trần Thị Lang thửa 56.

- Phía Nam giáp với đường Bình Thới, Đại Hòa Lộc.

- Phía Bắc giáp với đất của Võ PH Đông Em thửa 41.

Ông Hồ Văn T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 46.000.0000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

5. Buộc ông Hồ Văn T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hồ Văn B số tiền 87.400.000 đồng (Tám mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

6. Buộc ông Hồ Văn T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị Mỹ Tr số tiền 87.400.000 đồng (Tám mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hàn án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hành tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010172 ngày 08/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Ông Hồ Văn B phải chịu 4.370.000 đồng (Bốn triệu B trăm bảy mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015180 ngày 01/9/2015 và 0015590 ngày 08/01/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình

Đại. Như vậy ông Hồ Văn B được hoàn lại giá trị chênh lệch là 630.000 đồng (Sáu trăm B mươi ngàn đồng).

Ông Hồ Văn T phải chịu 4.370.000 đồng (Bốn triệu B trăm bảy mươi ngàn đồng).

Bà Hồ Thị Ngọc Tr phải chịu 4.370.000 đồng (Bốn triệu B trăm bảy mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010173 ngày 08/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Như vậy bà Hồ Thị Ngọc Tr còn phải đóng tiếp 3.620.000 đồng (B triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 0019405 ngày 07/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện bình Đại là đủ.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thanh Thúy

Các thẩm phán **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Hồ Thị Thanh Thúy **Nguyễn Thị Ngọc H** **Nguyễn Kim T**